

BỘ TƯ PHÁP CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 14/2015/TT-BTP

Hà Nội, ngày 14 tháng 10 năm 2015

TRUNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: C.....
	Ngày: ... 21/10.....

THÔNG TƯ

Hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Tư pháp

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 22/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng; Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng; Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 1 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thi đua – Khen thưởng,

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Tư pháp.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn một số nội dung về đối tượng thi đua, khen thưởng; tổ chức phát động phong trào thi đua; danh hiệu thi đua và tiêu chuẩn

danh hiệu thi đua; hình thức khen thưởng và tiêu chuẩn hình thức khen thưởng; thẩm quyền quyết định, thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng; Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Hội đồng khoa học, sáng kiến; Cụm, Khu vực thi đua và Quỹ Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp.

Điều 2. Đối tượng thi đua

1. Đối tượng thi đua thường xuyên:

a) Các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp;

b) Cục Thi hành án dân sự;

c) Chi cục Thi hành án dân sự;

d) Tập thể nhỏ thuộc các đơn vị quy định tại điểm a, b khoản này;

đ) Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đang công tác, làm việc tại các cơ quan, đơn vị quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này, kể cả công chức, viên chức đang trong thời gian tập sự, nhân viên hợp đồng không xác định thời hạn, nhân viên hợp đồng lao động từ 01 năm trở lên.

2. Đối tượng thi đua theo đợt hoặc theo chuyên đề:

a) Tập thể, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Sở Tư pháp, tập thể, cá nhân thuộc Sở Tư pháp;

c) Tập thể, cá nhân thuộc cơ quan Thi hành án Bộ Quốc phòng;

d) Tập thể, cá nhân thuộc tổ chức pháp chế Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; tập thể, cá nhân được xác định cụ thể trong Kế hoạch phát động phong trào thi đua theo đợt hoặc theo chuyên đề; tập thể, cá nhân thuộc các cơ quan, đơn vị, tổ chức khác thực hiện nhiệm vụ liên quan đến các lĩnh vực công tác của ngành Tư pháp.

Điều 3. Đối tượng khen thưởng

1. Tập thể, cá nhân quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 2 được khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được; khen thưởng theo chuyên đề, theo đợt.

2. Cá nhân được khen thưởng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Tư pháp” theo quy định về xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Tư pháp” của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

3. Cá nhân được khen thưởng quá trình cống hiến.

4. Tập thể, cá nhân được khen thưởng thành tích đột xuất xuất sắc.

5. Tập thể, cá nhân được khen thưởng đối ngoại.

6. Các đối tượng khác theo quyết định của Bộ trưởng.

Điều 4. Nguyên tắc thi đua

Công tác thi đua được thực hiện theo các nguyên tắc sau:

a) Tự nguyện, tự giác, công khai;

b) Đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển.

Điều 5. Nguyên tắc và căn cứ xét khen thưởng

1. Việc khen thưởng trong ngành Tư pháp được thực hiện theo các nguyên tắc sau đây:

a) Chính xác, công khai, công bằng, kịp thời, thiết thực;

b) Một hình thức khen thưởng có thể tặng nhiều lần cho một đối tượng; không tặng thưởng nhiều hình thức cho một thành tích đạt được; không nhất thiết khen thưởng theo trình tự có mức khen thưởng thấp rồi mới khen thưởng mức cao hơn;

c) Bảo đảm thống nhất giữa tính chất, hình thức và đối tượng khen thưởng;

d) Kết hợp động viên tinh thần với khuyến khích bằng lợi ích vật chất;

đ) Đối với hình thức khen thưởng cấp Nhà nước (từ Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ trở lên) trong một năm mỗi cá nhân chỉ được xét tặng một hình thức, trừ trường hợp khen cống hiến, khen thành tích đột xuất, khen thưởng theo chuyên đề. Khi Bộ Tư pháp tiến hành sơ kết, tổng kết việc thực hiện luật, pháp lệnh, nghị định hoặc phục vụ hội nghị, hội thảo, diễn đàn... các cơ quan, đơn vị không đề nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước tặng thưởng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Huân chương cho các tập thể hoặc cá nhân;

e) Hình thức kỷ luật của cá nhân chỉ được xem xét một lần đối với một hình thức khen thưởng (những lần xét khen sau không căn cứ vào hình thức kỷ luật đã xét lần trước);

g) Bảo đảm nguyên tắc bình đẳng giới trong thi đua, khen thưởng.

2. Việc xét khen thưởng trong ngành Tư pháp được thực hiện theo các căn cứ sau đây:

a) Việc xét tặng các danh hiệu thi đua phải căn cứ vào phong trào thi đua; mọi cá nhân, tập thể tham gia phong trào thi đua đều phải có đăng ký thi đua, xác định mục tiêu, chỉ tiêu thi đua; không đăng ký thi đua sẽ không được xem xét, công nhận các danh hiệu thi đua;

b) Thành tích đến đâu khen thưởng đến đó; thành tích đạt được trong điều kiện khó khăn có phạm vi ảnh hưởng lớn được khen thưởng mức cao hơn;

c) Khi xét khen thưởng người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải căn cứ vào thành tích của tập thể do cá nhân đó lãnh đạo;

d) Đối với nữ là cán bộ lãnh đạo quản lý, thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng có quá trình cống hiến được giảm 03 năm so với quy định chung;

đ) Đối với khen thưởng thành tích thường xuyên, khi có nhiều cá nhân, tập thể cùng đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì lựa chọn cá nhân nữ và tập thể có tỷ lệ nữ từ 70% trở lên để xét khen thưởng;

e) Thời gian để đề nghị khen thưởng cho lần tiếp theo được tính từ khi có quyết định khen thưởng lần trước;

g) Việc bình xét khen thưởng phải trên cơ sở kết quả đánh giá, xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; của cơ quan, đơn vị.

Điều 6. Quyền hạn và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong công tác thi đua, khen thưởng

1. Bộ trưởng Bộ Tư pháp tổ chức phát động, chỉ đạo thực hiện phong trào thi đua trong toàn Ngành; phối hợp với các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức triển khai phát động phong trào thi đua theo đợt, theo chuyên đề thuộc lĩnh vực liên quan đến hoạt động của ngành Tư pháp; quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Tư pháp.

2. Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

a) Tham mưu, phối hợp với Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ có liên quan đề xuất với Bộ trưởng về chủ trương, chính sách, nội dung, chương trình, kế hoạch, biện pháp tổ chức phong trào thi đua; hướng dẫn đôn đốc, sơ kết, tổng

kết các phong trào thi đua, công tác khen thưởng; xây dựng, hoàn thiện, thể chế về thi đua, khen thưởng; tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng; tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, công chức làm công tác thi đua, khen thưởng; xây dựng, bồi dưỡng, tuyên truyền, nhân điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt trong Ngành; rà soát, tổng hợp hồ sơ đề nghị của các đơn vị trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp xét, đề nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng hoặc đề nghị Bộ trưởng trình cấp có thẩm quyền xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo quy định của pháp luật; tham mưu cho Hội đồng Thi đua – Khen thưởng ngành Tư pháp tổ chức thanh tra, kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng đối với các đơn vị trong toàn ngành Tư pháp; chủ trì, phối hợp với các tổ chức và cá nhân có liên quan giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng theo quy định của pháp luật;

b) Chủ trì, phối hợp với Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan đề xuất khen thưởng cho cá nhân, tập thể trên cơ sở gắn với kết quả đánh giá cán bộ, công chức, kết quả xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị;

c) Chủ trì, phối hợp với Cục Công nghệ thông tin và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai cơ sở dữ liệu về thi đua, khen thưởng của ngành Tư pháp;

d) Chủ trì, phối hợp với thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ có liên quan tham mưu cho Bộ trưởng Bộ Tư pháp xây dựng tiêu chí chấm điểm, xếp hạng và tổ chức chấm điểm, xếp hạng các Sở Tư pháp, Cục Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đảm bảo khách quan, chính xác, công bằng.

3. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc Sở Tư pháp, Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

a) Chủ trì, phối hợp với cấp uỷ, tổ chức Đảng, tổ chức chính trị - xã hội trong cơ quan, đơn vị xác định nội dung, chỉ tiêu, các biện pháp tổ chức phong trào thi đua phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, đối tượng quản lý và điều kiện cụ thể của từng cơ quan, đơn vị;

b) Chủ động phát động, tổ chức triển khai, đôn đốc, kiểm tra, sơ kết, tổng kết phong trào thi đua trong cơ quan, đơn vị;

c) Phát hiện, bình xét, lựa chọn các cá nhân, tập thể thuộc phạm vi quản lý có thành tích xuất sắc, tiêu biểu để tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo quy định của pháp luật;

d) Tham gia ý kiến bằng văn bản đối với các trường hợp khen thưởng khi được Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp yêu cầu; tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp khi được mời dự;

đ) Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động thi đua, khen thưởng theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp;

e) Định kỳ hàng năm hoặc khi kết thúc phong trào thi đua theo đợt, theo chuyên đề tiến hành tổng kết, đánh giá công tác thi đua, khen thưởng, bình xét các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng, gửi báo cáo và hồ sơ đề nghị xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng về Bộ Tư pháp theo quy định;

g) Ngoài các nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản 3 Điều này, thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ giúp Bộ trưởng thực hiện chức năng quản lý Nhà nước, Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự tổ chức chấm điểm thi đua các nhiệm vụ chuyên môn thuộc lĩnh vực quản lý đối với Sở Tư pháp, Cục Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự chỉ đạo, tổ chức chấm điểm thi đua, xếp hạng các cơ quan thi hành án dân sự địa phương, Giám đốc Sở Tư pháp tổ chức chấm điểm thi đua, xếp hạng của đơn vị mình theo tiêu chí chấm điểm thi đua do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành đảm bảo thực chất, khách quan, chính xác, công bằng.

4. Cục Công tác phía Nam có các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 3 Điều này và có nhiệm vụ phối hợp với Vụ Thi đua – Khen thưởng, Tổng cục Thi hành án dân sự chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng, tham gia ý kiến bằng văn bản đối với các trường hợp khen thưởng các cơ quan tư pháp, thi hành án dân sự khu vực phía Nam theo yêu cầu của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp.

5. Các cơ quan thông tin, báo chí, xuất bản của ngành Tư pháp có các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 3 Điều này và có nhiệm vụ tuyên truyền về công tác thi đua, khen thưởng, phát hiện cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua nêu gương các điển hình tiên tiến, gương

người tốt, việc tốt, cổ động phong trào thi đua, đấu tranh phê phán các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng trong ngành Tư pháp.

6. Cá nhân, tập thể được đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng phải thực hiện đầy đủ, kịp thời các quy định về trình tự, thủ tục và thời hạn gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng theo quy định của Thông tư này và các quy định pháp luật có liên quan về thi đua, khen thưởng.

Chương II

TỔ CHỨC PHÁT ĐỘNG PHONG TRÀO THI ĐUA

Điều 7. Hình thức và nội dung tổ chức phát động phong trào thi đua

1. Các hình thức thi đua được tổ chức, phát động trong ngành Tư pháp bao gồm:

a) Thi đua thường xuyên là hình thức thi đua căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của cá nhân, tập thể để tổ chức phát động phong trào thi đua, ký kết giao ước thi đua, theo đó xác định rõ mục đích, yêu cầu, mục tiêu, các chỉ tiêu cụ thể để triển khai thực hiện tại cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc theo Cụm, Khu vực thi đua nhằm thực hiện tốt công việc hàng ngày, hàng tháng, hàng quý, hàng năm theo chỉ tiêu, chương trình công tác đã được cơ quan, đơn vị, Cụm, Khu vực đề ra;

b) Thi đua theo chuyên đề hoặc theo đợt là hình thức thi đua được tổ chức trong phạm vi Bộ, ngành, cơ quan, đơn vị nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm được xác định trong khoảng thời gian nhất định hoặc tổ chức thi đua để phân đấu hoàn thành nhiệm vụ đột xuất, cấp bách của Bộ, ngành, cơ quan, đơn vị. Thi đua theo chuyên đề, theo đợt chỉ được phát động khi đã xác định rõ mục đích, yêu cầu, chỉ tiêu, nội dung, giải pháp và thời gian thực hiện.

2. Nội dung tổ chức phong trào thi đua trong ngành Tư pháp được thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP của Chính phủ; Điều 3 Thông tư 07/2014/TT-BNV của Bộ Nội vụ.

Điều 8. Trách nhiệm tổ chức phong trào thi đua

1. Bộ trưởng Bộ Tư pháp phát động phong trào thi đua thường xuyên hàng năm, phong trào thi đua theo đợt hoặc theo chuyên đề trong toàn ngành Tư pháp.

2. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ căn cứ nội dung phong trào thi đua do Bộ Tư pháp phát động, xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch phát động phong

trào thi đua thường xuyên, thi đua theo chuyên đề hoặc theo đợt đối với tập thể, cá nhân thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị; trình Bộ trưởng ban hành kế hoạch phát động phong trào thi đua theo chuyên đề hoặc theo đợt thuộc lĩnh vực quản lý trong phạm vi Bộ, ngành sau khi có ý kiến thẩm định của Vụ Thi đua - Khen thưởng; tổ chức phát động phong trào thi đua theo chuyên đề hoặc theo đợt đối với tập thể, cá nhân trong cơ quan, đơn vị và báo cáo Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua – Khen thưởng ngành Tư pháp.

3. Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ nội dung phong trào thi đua do Bộ Tư pháp, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tổng cục Thi hành án dân sự phát động, xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch thi đua thường xuyên, thi đua theo chuyên đề hoặc theo đợt đối với tập thể, cá nhân thuộc phạm vi quản lý; tổ chức phát động phong trào thi đua theo chuyên đề hoặc theo đợt đối với tập thể, cá nhân trong cơ quan Cục Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

4. Giám đốc Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ nội dung phong trào thi đua do Bộ Tư pháp, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phát động, xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch thi đua thường xuyên, thi đua theo chuyên đề hoặc theo đợt đối với tập thể, cá nhân thuộc phạm vi quản lý; căn cứ điều kiện, đặc điểm cụ thể tổ chức phát động phong trào thi đua theo chuyên đề hoặc theo đợt đối với tập thể và cá nhân cơ quan tư pháp địa phương.

5. Cục trưởng Cục thi đua, Trưởng Khu vực thi đua căn cứ nội dung phong trào thi đua do Bộ Tư pháp phát động, chủ trì, phối hợp với Phó Cục trưởng, Phó trưởng Khu vực thi đua và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Cục thi đua, Khu vực thi đua xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch phát động phong trào thi đua thường xuyên, thi đua theo chuyên đề hoặc theo đợt đối với tập thể, cá nhân thuộc Cục thi đua, Khu vực thi đua.

Chương III

DANH HIỆU THI ĐUA, ĐĂNG KÝ DANH HIỆU THI ĐUA, KÝ GIAO ƯỚC THI ĐUA

Điều 9. Các danh hiệu thi đua

1. Danh hiệu thi đua trình cấp có thẩm quyền xét tặng gồm:
 - a) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” đối với cá nhân;

b) Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” đối với tập thể.

2. Danh hiệu thi đua thuộc thẩm quyền xét tặng gồm:

a) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua ngành Tư pháp”; “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và “Lao động tiên tiến” đối với cá nhân;

b) Danh hiệu “Cờ thi đua ngành Tư pháp”; “Tập thể lao động xuất sắc” và “Tập thể lao động tiên tiến” đối với tập thể.

Điều 10. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích tiêu biểu xuất sắc nhất được lựa chọn trong số các cá nhân có 02 lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua ngành Tư pháp”, trong đó có 06 năm liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;

b) Có sáng kiến, giải pháp công tác hoặc đề tài nghiên cứu khoa học đạt hiệu quả cao và có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc được Hội đồng khoa học, sáng kiến ngành Tư pháp công nhận.

2. Thời điểm xét danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” là năm liền kề với năm đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua ngành Tư pháp” lần thứ hai.

Điều 11. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua ngành Tư pháp”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua ngành Tư pháp” được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong số những cá nhân có 03 lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;

b) Có sáng kiến, giải pháp công tác hoặc đề tài nghiên cứu khoa học có tác dụng, phạm vi ảnh hưởng đối với Bộ, ngành Tư pháp được Hội đồng khoa học, sáng kiến ngành Tư pháp công nhận.

2. Thời điểm xét danh hiệu “Chiến sĩ thi đua ngành Tư pháp” là năm đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” lần thứ ba.

Điều 12. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Là “Lao động tiên tiến”;

b) Có sáng kiến, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc đề tài nghiên cứu khoa học để tăng hiệu quả công tác được Hội đồng khoa học, sáng kiến cơ sở công nhận hoặc đã được nghiệm thu áp dụng.

2. Tỷ lệ cá nhân được công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” không quá 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

Điều 13. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt năng suất và chất lượng cao;
- b) Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; có tinh thần tự lực, tự cường, đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia phong trào thi đua;
- c) Tích cực học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ;
- d) Có đạo đức, lối sống lành mạnh.

2. Trường hợp cá nhân tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản dẫn đến bị thương tích cần điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ sở y tế thì thời gian điều trị, điều dưỡng được tính để xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

3. Cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì thời gian học tập được tính vào thời gian công tác tại cơ quan, đơn vị để được bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”. Trường hợp cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ 01 năm trở lên, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, có kết quả học tập từ loại khá trở lên thì được xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

4. Cá nhân là nữ nghỉ thai sản theo quy định của pháp luật thì thời gian nghỉ vẫn được tính để bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

5. Đối với cá nhân chuyển công tác, cơ quan, đơn vị mới có trách nhiệm xem xét, bình bầu danh hiệu “Lao động tiên tiến”, trường hợp có thời gian công tác ở cơ quan cũ từ 06 tháng trở lên phải có ý kiến nhận xét của cơ quan cũ.

6. Cá nhân được điều động, biệt phái đến cơ quan, đơn vị khác trong một thời gian nhất định thì việc xem xét, bình bầu danh hiệu “Lao động tiên tiến”

do cơ quan, đơn vị điều động, biệt phái xem xét quyết định trên cơ sở ý kiến nhận xét của cơ quan, đơn vị tiếp nhận cá nhân được điều động, biệt phái.

7. Không xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” đối với một trong các trường hợp: Mới tuyển dụng dưới 10 tháng, nghỉ từ 40 ngày làm việc trở lên, bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.

Điều 14. Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”

1. Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” được xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm;

b) Là tập thể tiêu biểu xuất sắc nhất trong tổng số các tập thể đạt tiêu chuẩn “Cờ thi đua ngành Tư pháp”;

c) Nội bộ đoàn kết, đi đầu trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác.

2. Số lượng tập thể đề nghị xét tặng “Cờ thi đua Chính phủ” không quá 20% tổng số tập thể đạt tiêu chuẩn tặng “Cờ thi đua ngành Tư pháp”.

3. Cụm thi đua, Khu vực thi đua họp bình xét, suy tôn danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”.

Điều 15. Danh hiệu “Cờ thi đua ngành Tư pháp”

1. Danh hiệu “Cờ thi đua ngành Tư pháp” được xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm;

b) Là tập thể tiêu biểu xuất sắc trong phong trào thi đua của ngành Tư pháp và đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”;

c) Có nhân tố mới, mô hình mới để các tập thể khác trong Bộ, ngành Tư pháp học tập;

d) Nội bộ đoàn kết, tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác.

2. Cụm thi đua, Khu vực thi đua họp bình xét, suy tôn danh hiệu “Cờ thi đua ngành Tư pháp”.

Điều 16. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”

Danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" được xét tặng hàng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Sáng tạo, vượt khó hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước.
2. Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả.
3. Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến".
4. Có cá nhân đạt danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.
5. Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Điều 17. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”

1. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” được xét tặng hàng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch được giao;
 - b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;
 - c) Có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến" và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;
 - d) Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.
2. Đối với các cơ quan, đơn vị mới thành lập phải có thời gian hoạt động từ 01 năm (12 tháng) trở lên mới bình xét “Tập thể lao động tiên tiến”.

Điều 18. Đăng ký danh hiệu thi đua, ký giao ước thi đua

1. Các đơn vị thuộc Bộ tổ chức cho các cá nhân, tập thể đăng ký phấn đấu thực hiện các nội dung, chỉ tiêu, danh hiệu thi đua và gửi 01 bản đăng ký thi đua về Vụ Thi đua - Khen thưởng, 01 bản về Cục thi đua trước ngày 28 tháng 02 hàng năm.

2. Cục Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tổ chức cho cá nhân, tập thể, gồm cả các Chi cục trực thuộc đăng ký phấn đấu thực hiện các nội dung, chỉ tiêu, danh hiệu thi đua và gửi 01 bản đăng ký thi

đua về Vụ Thi đua - Khen thưởng; 01 bản đăng ký thi đua về Khu vực thi đua và 01 bản về Tổng cục Thi hành án dân sự trước ngày 28 tháng 02 hàng năm.

3. Các Cụm thi đua, Khu vực thi đua tổ chức ký giao ước thi đua thể hiện quyết tâm hưởng ứng, thực hiện phong trào thi đua do Bộ Tư pháp phát động và xác định rõ các chỉ tiêu, nội dung, biện pháp thực hiện và tổng hợp các danh hiệu thi đua của các đơn vị trong Cụm thi đua, Khu vực thi đua; gửi bản ký kết, giao ước thi đua về Vụ Thi đua - Khen thưởng trước ngày 15 tháng 3 hàng năm.

Chương IV

CÁC LOẠI HÌNH KHEN THƯỞNG, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 19. Các loại hình khen thưởng

1. Khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được là hình thức khen thưởng cho tập thể, cá nhân đạt được thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Khen thưởng theo chuyên đề hoặc theo đợt là khen thưởng cho tập thể, cá nhân đạt được thành tích xuất sắc sau khi kết thúc đợt thi đua do Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị phát động.

Trường hợp phát động, tổ chức phong trào thi đua trong phạm vi cả nước khi sơ kết, tổng kết từ 03 năm trở lên, được lựa chọn tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc đề nghị Thủ tướng Chính phủ xét, tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”; từ 05 năm trở lên, được lựa chọn tập thể, cá nhân có thành tích đặc biệt xuất sắc đề nghị Chủ tịch nước xét, tặng “Huân chương Lao động” hạng ba.

3. Khen thưởng đột xuất là khen thưởng cho tập thể, cá nhân đã đạt được thành tích đột xuất trong lao động, sản xuất, chiến đấu, phục vụ chiến đấu; dũng cảm cứu người, tài sản của nhân dân hoặc của Nhà nước (thành tích đột xuất là thành tích lập được trong hoàn cảnh không được dự báo trước, diễn ra ngoài dự kiến kế hoạch công việc bình thường mà tập thể, cá nhân phải đảm nhận).

4. Khen thưởng quá trình cống hiến là khen thưởng cho cá nhân có quá trình tham gia trong các giai đoạn cách mạng (giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội) có công lao, thành tích xuất sắc đóng góp vào sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc.

5. Khen thưởng đối ngoại là khen thưởng cho tập thể, cá nhân người nước ngoài đã có thành tích, có đóng góp vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam trên lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, an ninh, quốc phòng, ngoại giao hoặc lĩnh vực khác.

Điều 20. Các hình thức khen thưởng

1. Hình thức khen thưởng trình cấp có thẩm quyền xét tặng gồm:

- a) Huân chương;
- b) Huy chương;
- c) Danh hiệu vinh dự Nhà nước;
- d) “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”;
- đ) “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”.

2. Hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền xét tặng gồm:

- a) Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Tư pháp”;
- b) “Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp”;
- c) Giấy khen của Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc Sở Tư pháp, Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự.

Điều 21. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Tư pháp”

Việc xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Tư pháp” được thực hiện theo quy định về xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Tư pháp” do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành.

Điều 22. “Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp”

1. “Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp” được xét, tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do Bộ Tư pháp phát động;
- b) Lập được nhiều thành tích có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc Bộ, ngành Tư pháp;
- c) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất;

d) Có 02 năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến, giải pháp áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở được Hội đồng khoa học, sáng kiến cấp cơ sở công nhận.

2. “Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp” được xét, tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;

b) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc Bộ, ngành Tư pháp;

c) Có 02 năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với mọi thành viên trong tập thể.

Điều 23. Giấy khen của Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc Sở Tư pháp, Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Giấy khen của Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc Sở Tư pháp, Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được xét, tặng cho cá nhân đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích được bình xét trong phong trào thi đua;

b) Lập được thành tích đột xuất;

c) Hoàn thành tốt nhiệm vụ, nghĩa vụ công dân; có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Giấy khen của Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc Sở Tư pháp, Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được xét, tặng cho tập thể đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;

b) Lập được thành tích đột xuất;

c) Hoàn thành tốt nhiệm vụ; nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Chương V

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH TẶNG, TỔ CHỨC TRAO TẶNG; THỦ TỤC, HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ XÉT, TẶNG DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Mục 1

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH TẶNG, TỔ CHỨC TRAO TẶNG DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 24. Thẩm quyền quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng trong ngành Tư pháp

1. Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định tặng danh hiệu “Cờ thi đua ngành Tư pháp”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua ngành Tư pháp”, danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Tư pháp” và Bằng khen cho các tập thể, cá nhân trong ngành Tư pháp phù hợp với đối tượng thi đua và khen thưởng quy định tại Điều 2 của Thông tư này; danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, danh hiệu “Lao động tiên tiến” và “Tập thể lao động tiên tiến” cho các tập thể, cá nhân của các đơn vị thuộc Bộ không có tư cách pháp nhân.

2. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp có tư cách pháp nhân quyết định tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến” và Giấy khen cho các tập thể và cá nhân thuộc đơn vị mình.

3. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp không có tư cách pháp nhân quyết định tặng Giấy khen cho các tập thể và cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý; ký Quyết định thừa lệnh Bộ trưởng và đóng dấu Bộ sau khi được Bộ trưởng Bộ Tư pháp phê duyệt đối với các danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, danh hiệu “Lao động tiên tiến” và “Tập thể lao động tiên tiến” cho các tập thể và cá nhân thuộc đơn vị mình.

4. Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự quyết định tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến” cho tập thể là Cục Thi hành án dân sự, cho cá nhân là Cục trưởng, Phó Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự và cá nhân, tập thể thuộc cơ quan Tổng cục; tặng Giấy khen cho các tập thể và cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý.

5. Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự quyết định tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến”

và Giấy khen cho cá nhân, tập thể thuộc Cục Thi hành án dân sự và các Chi cục Thi hành án dân sự.

Điều 25. Tổ chức trao tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

1. Người có thẩm quyền quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng nào thì trực tiếp trao tặng hoặc ủy quyền trao tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đó theo quy định về nghi thức trao tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

2. Nghi thức tổ chức trao tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước: Huân chương, Huy chương, Danh hiệu vinh dự nhà nước, “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”, “Cờ thi đua của Chính phủ” và “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về tổ chức ngày kỷ niệm; nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua, nghi lễ đối ngoại và đón, tiếp khách nước ngoài.

3. Việc tổ chức trao tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng là dịp để biểu dương, tôn vinh gương người tốt, việc tốt và những điển hình tiên tiến, phải đảm bảo trang trọng, thiết thực, tránh phô trương, hình thức, lãng phí; khi tổ chức cần kết hợp vào dịp Hội nghị tổng kết công tác của Ngành, của cơ quan, đơn vị hoặc lồng ghép với các nội dung khác để tiết kiệm thời gian và chi phí.

4. Vụ Thi đua - Khen thưởng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu, đề xuất với Bộ trưởng về việc tổ chức trao tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước và các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng.

Mục 2

THỦ TỤC, HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ XÉT, TẶNG DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 26. Quy định chung về xét, đề nghị danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Cấp quản lý về tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và quỹ lương có trách nhiệm xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp trên xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo quy định. Cấp chủ trì phát động các đợt thi đua, khi tổng kết lựa

chọn các điển hình để xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng hoặc trình cấp trên xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo quy định.

2. Căn cứ vào thành tích thi đua trong năm, tập thể, cá nhân được xem xét tặng danh hiệu thi đua bằng hoặc thấp hơn danh hiệu thi đua đã đăng ký. Trường hợp tập thể, cá nhân có thành tích thi đua trong năm vượt các tiêu chuẩn của danh hiệu thi đua đã đăng ký đầu năm thì được xem xét tặng danh hiệu thi đua cao hơn tùy thuộc vào tính chất, mức độ, phạm vi ảnh hưởng của thành tích đã đạt được.

Điều 27. Đề nghị xét, tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Bộ trưởng Bộ Tư pháp xem xét trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị Chủ tịch nước quyết định tặng thưởng Huân chương, Huy chương, Danh hiệu vinh dự Nhà nước, “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”; đề nghị Chính phủ quyết định tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”; đề nghị Thủ tướng Chính phủ quyết định tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”; “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” cho cá nhân và tập thể thuộc Bộ Tư pháp theo quy định. Đăng tải công khai danh sách các tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng Huân chương, danh hiệu vinh dự Nhà nước trên Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp và xử lý thông tin trước khi trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng.

2. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ hoàn thiện hồ sơ gửi Vụ Thi đua - Khen thưởng thẩm định, trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp xét, đề nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng, đề nghị Bộ trưởng trình cấp có thẩm quyền xét, tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đối với cá nhân, tập thể thuộc cơ quan, đơn vị mình hoặc trình Bộ trưởng tặng Bằng khen cho đối tượng thuộc lĩnh vực được giao tham mưu, quản lý, theo dõi gồm các tập thể, cá nhân quy định tại điểm d khoản 2 Điều 2 Thông tư này.

3. Ngoài việc thực hiện quy định tại khoản 2 Điều này, Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự, Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế, Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ đề nghị xét, tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng sau:

a) Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự xem xét, tổng hợp hồ sơ đề nghị của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gửi Vụ Thi đua - Khen thưởng thẩm định, trình Hội đồng

Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp xét, đề nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng hoặc đề nghị Bộ trưởng trình cấp có thẩm quyền xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân thuộc cơ quan Thi hành án dân sự địa phương và các tập thể, cá nhân thuộc cơ quan Thi hành án Bộ Quốc phòng theo quy định.

b) Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế hoàn thiện hồ sơ gửi Vụ Thi đua - Khen thưởng thẩm định, trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp xét, đề nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp tặng hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng hoặc đề nghị Bộ trưởng trình cấp có thẩm quyền tặng hình thức khen thưởng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài có thành tích xuất sắc tiêu biểu đóng góp cho sự phát triển của ngành Tư pháp;

c) Chánh Văn phòng Bộ hoàn thiện hồ sơ gửi Vụ Thi đua - Khen thưởng thẩm định, trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp xét, đề nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng hoặc đề nghị Bộ trưởng trình cấp có thẩm quyền xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đối với Bộ trưởng và Thứ trưởng;

d) Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ hoàn thiện hồ sơ gửi Vụ Thi đua - Khen thưởng thẩm định, trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp xét, đề nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp trình cấp có thẩm quyền tặng, truy tặng các hình thức khen thưởng cho các đồng chí nguyên lãnh đạo của các đơn vị thuộc Bộ đã nghỉ hưu hoặc từ trần có cống hiến lâu dài trong ngành Tư pháp mà chưa được khen thưởng công hiến.

4. Giám đốc Sở Tư pháp hoàn thiện hồ sơ gửi Vụ Thi đua - Khen thưởng thẩm định, trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp xét, đề nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp tặng danh hiệu “Cờ thi đua ngành Tư pháp” cho tập thể Sở Tư pháp; tặng Bằng khen của Bộ trưởng cho tập thể Sở Tư pháp, tập thể, cá nhân thuộc Sở Tư pháp có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong phong trào thi đua theo đợt, theo chuyên đề; tập thể, cá nhân thuộc phạm vi Sở Tư pháp quản lý có thành tích đột xuất, xuất sắc; tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Tư pháp” cho cá nhân có thành tích, công lao đóng góp cho sự nghiệp xây dựng, phát triển ngành Tư pháp theo quy định.

Điều 28. Hồ sơ đề nghị xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước

1. Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước cho các tập thể, cá nhân gồm:

- a) Tờ trình;
- b) Biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở;
- c) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng theo đúng mẫu được quy định tại Nghị định số 39/2012/NĐ-CP (05 bản chính);
- d) Tờ trình kèm theo Biên bản Hội nghị tổng kết và biên bản kiểm phiếu bình xét, đề nghị của Cụm hoặc Khu vực thi đua đối với trường hợp đề nghị “Cờ thi đua của Chính phủ”;

2. Ngoài bộ hồ sơ gửi theo đường công văn được quy định tại khoản 1 Điều này, đề nghị cơ quan, đơn vị đồng thời gửi kèm file điện tử của hồ sơ trình (ở định dạng .doc đối với các tờ trình, danh sách, báo cáo thành tích của các tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng, ở định dạng .pdf đối với các hồ sơ khác có liên quan) đến hộp thư điện tử của Vụ Thi đua - Khen thưởng (thiduaqhenthuong@moj.gov.vn).

Điều 29. Hồ sơ đề nghị xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tư pháp

1. Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Cờ thi đua ngành Tư pháp”, “Chiến sĩ thi đua ngành Tư pháp” và tặng “Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp” cho tập thể, cá nhân được lập thành 01 bộ gồm:

- a) Tờ trình kèm theo danh sách tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này;
- b) Biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở theo mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng theo mẫu số 03, mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư này. Báo cáo thành tích phải liệt kê đầy đủ các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đạt được làm căn cứ để đối chiếu với các tiêu chuẩn theo quy định;

d) Tờ trình kèm theo Biên bản Hội nghị tổng kết và biên bản kiểm phiếu bình xét, đề nghị của Cụm hoặc Khu vực thi đua đối với trường hợp đề nghị “Cờ thi đua ngành Tư pháp”;

đ) Quyết định công nhận sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị công nhận đối với cá nhân đề nghị tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua ngành Tư pháp” theo mẫu số 07 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Hồ sơ đề nghị xét tặng “Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp” theo chuyên đề hoặc theo đợt gồm:

a) Tờ trình kèm theo danh sách tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở theo mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng theo mẫu số 06 ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Báo cáo đánh giá kết quả sơ kết, tổng kết của đơn vị chủ trì chuyên đề (áp dụng khi phát động phong trào thi đua theo chuyên đề có phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị).

3. Ngoài bộ hồ sơ gửi theo đường công văn được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, đề nghị cơ quan, đơn vị đồng thời gửi kèm file điện tử của hồ sơ trình (ở định dạng .doc đối với tờ trình, danh sách của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng, ở định dạng .pdf đối với các hồ sơ khác có liên quan) đến hộp thư điện tử của Vụ Thi đua - Khen thưởng (thiduaqhenthuong@moj.gov.vn).

4. Đối với trường hợp đề nghị khen thưởng cho tổ chức, cá nhân nước ngoài cần phải có ý kiến của Bộ Ngoại giao và Bộ Công an.

Điều 30. Hồ sơ đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản

1. Khen thưởng theo thủ tục đơn giản cho các tập thể, cá nhân được thực hiện khi có đủ các điều kiện sau:

a) Việc khen thưởng phục vụ yêu cầu chính trị, kịp thời động viên khích lệ quần chúng;

b) Cá nhân, tập thể lập được thành tích xuất sắc đột xuất trong công tác, lao động, học tập;

c) Thành tích, công trạng rõ ràng.

2. Hồ sơ đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản gồm:

a) Tờ trình kèm theo danh sách cá nhân, tập thể đề nghị khen thưởng theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản tóm tắt thành tích của cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp ghi rõ hành động, thành tích, công trạng của cá nhân, tập thể đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản theo mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 31. Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự

Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến” và Giấy khen cho tập thể, cá nhân được lập thành 01 bộ gồm:

1. Tờ trình kèm theo danh sách các tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở theo mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng.

4. Quyết định công nhận sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị công nhận đối với cá nhân đề nghị tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” theo mẫu số 07 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 32. Thời gian gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng

1. Thời gian gửi hồ sơ về Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp đề nghị khen thưởng thường xuyên hàng năm, khen chuyên đề vào dịp tổng kết năm được thực hiện như sau:

a) Thời gian gửi hồ sơ của các đơn vị thuộc Bộ, Sở Tư pháp và các cơ quan, đơn vị khác đề nghị khen thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tư pháp trước ngày 10 tháng 11, Tổng cục Thi hành án dân sự gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của các Cục Thi hành án dân sự trước ngày 15

tháng 11; Thời gian các Cụm thi đua, Khu vực thi đua gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng các danh hiệu thi đua “Cờ thi đua của Chính phủ”, “Cờ thi đua ngành Tư pháp” của các đơn vị thuộc Cụm thi đua, Khu vực thi đua trước ngày 15 tháng 11;

b) Thời gian gửi hồ sơ của các cơ quan, đơn vị đề nghị khen thưởng thường xuyên cấp Nhà nước đối với danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” trước ngày 15 tháng 3; đối với Huân chương, Huy chương, “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”, Danh hiệu vinh dự Nhà nước, “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” trước ngày 31 tháng 03.

2. Thời gian gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng theo chuyên đề, đột xuất và các loại hình khen thưởng khác được thực hiện theo văn bản hướng dẫn hoặc kế hoạch phát động của Bộ Tư pháp, của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Thời gian gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng đối với các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc Sở Tư pháp, Cục trưởng Cục thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định thời gian gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng đối với các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền.

Điều 33. Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và trình khen thưởng

1. Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm gửi hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn quy định. Vụ Thi đua - Khen thưởng tiếp nhận và thẩm định hồ sơ đề nghị xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng, hồ sơ đề nghị cấp có thẩm quyền xét tặng các danh hiệu và hình thức thi đua theo quy định. Đối với hồ sơ không đúng quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày thẩm định hồ sơ, Vụ Thi đua - Khen thưởng có trách nhiệm thông báo cho đơn vị trình và xác định rõ thời hạn hoàn thiện hồ sơ gửi lại cho Vụ Thi đua - Khen thưởng.

2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị xét tặng “Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp”, Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Tư pháp”; 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Cờ thi đua Ngành Tư pháp”, “Chiến sĩ thi đua ngành Tư pháp”, “Cờ thi đua của Chính phủ”, “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”, “Huân chương Lao động” các hạng; 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua

toàn quốc”, “Anh hùng Lao động”, “Huân chương Độc lập”, “Huân chương Hồ Chí Minh”, “Huân chương Sao vàng”, Vụ Thi đua - Khen thưởng có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành, trừ trường hợp do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định.

3. Chậm nhất sau 05 ngày làm việc, kể từ ngày Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp họp xét hoặc lấy ý kiến các thành viên, Vụ Thi đua - Khen thưởng phải hoàn tất các thủ tục theo quy định để trình Bộ trưởng, trừ trường hợp đặc biệt do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định.

Điều 34. Hiệp y khen thưởng

1. Bộ Tư pháp thực hiện hiệp y khen thưởng theo đề nghị của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố Trực thuộc Trung ương.

2. Khi nhận được văn bản đề nghị hiệp y của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương, Vụ Thi đua - Khen thưởng có trách nhiệm soạn thảo văn bản hiệp y, lấy ý kiến cá thành viên Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp, các đơn vị có liên quan và Thứ trưởng phụ trách cơ quan, đơn vị, địa phương.

3. Vụ Thi đua - Khen thưởng tổng hợp các ý kiến tham gia và hoàn chỉnh dự thảo văn bản hiệp y, trình Bộ trưởng hoặc Thứ trưởng phụ trách xem xét, quyết định.

Điều 35. Quản lý, lưu trữ hồ sơ khen thưởng

1. Vụ Thi đua - Khen thưởng có trách nhiệm quản lý, lưu giữ hồ sơ, ghi sổ, thống kê theo dõi các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng và các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước; thực hiện bàn giao hồ sơ khen thưởng cho Phòng Lưu trữ Văn phòng Bộ theo quy định của pháp luật hiện hành về lưu trữ.

2. Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tổ chức quản lý, lưu trữ hồ sơ, ghi sổ, thống kê theo dõi các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của các cá nhân, tập thể thuộc cơ quan, đơn vị mình. Các quyết định về tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ phải gửi cho Vụ Thi đua - Khen thưởng chậm nhất sau 15 ngày, kể từ ngày ký ban hành quyết định.

3. Hồ sơ thi đua, khen thưởng được lưu trữ trên giấy và lưu trữ điện tử theo quy định của pháp luật.

Chương VI

HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG; HỘI ĐỒNG KHOA HỌC, SÁNG KIẾN; CỤM THI ĐUA VÀ KHU VỰC THI ĐUA

Điều 36. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định thành lập, tham mưu, tư vấn cho Bộ trưởng Bộ Tư pháp về công tác thi đua, khen thưởng.

2. Thành phần Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Bộ trưởng Bộ Tư pháp;

b) Các Phó Chủ tịch Hội đồng: Thứ trưởng phụ trách công tác thi đua, khen thưởng là Phó Chủ tịch thứ nhất. Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng là Phó Chủ tịch thường trực và một số Phó Chủ tịch khác do Bộ trưởng quyết định;

c) Các Ủy viên Hội đồng là thủ trưởng một số đơn vị thuộc Bộ, số lượng và thành phần cụ thể do Chủ tịch Hội đồng quyết định.

3. Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp gồm có Chủ tịch và các Phó Chủ tịch.

4. Hội đồng làm việc theo Quy chế hoạt động do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành.

Điều 37. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở của Tổng cục Thi hành án dân sự, các đơn vị thuộc Bộ và Cục Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương do thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định thành lập, tham mưu, tư vấn cho thủ trưởng cơ quan, đơn vị về công tác thi đua, khen thưởng. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở làm việc theo Quy chế hoạt động do thủ trưởng cơ quan, đơn vị ban hành.

2. Tùy thuộc cơ cấu tổ chức, số lượng công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị, số lượng thành viên của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở có thể là 3, 5, 7, 9 hoặc 11 thành viên với cơ cấu thành phần Hội đồng gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là thủ trưởng cơ quan, đơn vị;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng là người đứng đầu tổ chức giúp thủ trưởng cơ quan, đơn vị thực hiện công tác thi đua, khen thưởng; Trường hợp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở có 9 hoặc 11 thành viên thì chỉ định 2 hoặc 3 Phó Chủ tịch, trong đó người đứng đầu tổ chức giúp thủ trưởng cơ quan, đơn vị thực hiện công tác thi đua, khen thưởng là Phó Chủ tịch Thường trực;

c) Các Ủy viên Hội đồng là đại diện cấp ủy, tổ chức Công đoàn và các thành viên khác là trưởng các đơn vị chuyên môn trực thuộc do thủ trưởng cơ quan, đơn vị lựa chọn, quyết định.

3. Thường trực Hội đồng gồm có Chủ tịch và Phó Chủ tịch.

4. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Tham mưu cho thủ trưởng đơn vị tổ chức phát động, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện phong trào thi đua trong lĩnh vực, nhiệm vụ quản lý của cơ quan, đơn vị, đảm bảo cho phong trào phát triển mạnh mẽ, sâu rộng, đúng hướng, thiết thực và có hiệu quả;

b) Bình xét, lựa chọn những tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc tiêu biểu trong phong trào thi đua, trình thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc đề nghị thủ trưởng cơ quan, đơn vị trình Bộ trưởng tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cao hơn theo quy định;

c) Sơ kết, tổng kết phong trào thi đua của cơ quan, đơn vị, đề xuất với thủ trưởng cơ quan, đơn vị về kế hoạch tổ chức, phát động, chỉ đạo thực hiện phong trào thi đua và nhân rộng điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt trong cơ quan, đơn vị;

d) Thực hiện các nhiệm vụ khác được thủ trưởng cơ quan, đơn vị giao.

Điều 38. Hội đồng khoa học, sáng kiến ngành Tư pháp

1. Hội đồng khoa học, sáng kiến ngành Tư pháp do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định thành lập, có nhiệm vụ tham mưu giúp Bộ trưởng xem xét, đánh giá khách quan, trung thực mức độ, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học, làm cơ sở đề nghị Bộ trưởng quyết định công nhận các sáng kiến, giải pháp, đề tài khoa học cho các cá nhân đề nghị xét tặng hình thức khen thưởng “Huân chương Lao động” các hạng, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua ngành Tư pháp”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”.

2. Thành phần của Hội đồng khoa học, sáng kiến ngành Tư pháp gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Thứ trưởng phụ trách công tác thi đua, khen thưởng ngành Tư pháp;

b) Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng là Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng;

c) Các thành viên Hội đồng là Viện trưởng Viện khoa học pháp lý và thủ trưởng một số đơn vị khác thuộc Bộ và các cá nhân có năng lực, trình độ chuyên môn sâu về quản lý, nghiên cứu khoa học, đánh giá, thẩm định sáng kiến cải tiến kỹ thuật, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu khoa học. Số lượng và thành phần cụ thể do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định.

3. Hội đồng khoa học, sáng kiến ngành Tư pháp làm việc theo Quy chế hoạt động do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành.

Điều 39. Hội đồng khoa học, sáng kiến cơ sở

1. Hội đồng khoa học, sáng kiến cơ sở do thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định thành lập, có nhiệm vụ giúp thủ trưởng cơ quan, đơn vị xem xét, đánh giá các sáng kiến, giải pháp, đề tài nghiên cứu khoa học làm cơ sở xét, đề nghị thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định công nhận các sáng kiến, giải pháp, đề tài nghiên cứu khoa học cho các cá nhân đề nghị xét tặng “Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”. Hội đồng khoa học, sáng kiến cơ sở làm việc theo Quy chế hoạt động do thủ trưởng cơ quan, đơn vị ban hành.

2. Thành phần Hội đồng khoa học, sáng kiến cơ sở gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là thủ trưởng hoặc phó thủ trưởng cơ quan, đơn vị;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng là đại diện lãnh đạo của tổ chức giúp Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thực hiện công tác thi đua, khen thưởng;

c) Các ủy viên do thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định gồm những thành viên có trình độ quản lý chuyên môn, có năng lực đánh giá, thẩm định các sáng kiến, giải pháp, đề tài trong quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

Điều 40. Cụm thi đua, Khu vực thi đua

1. Căn cứ đặc điểm về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc, phạm vi hoạt động của các đơn vị, Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định thành lập các Cụm thi đua của các đơn vị thuộc Bộ.

2. Căn cứ đặc điểm, điều kiện cụ thể theo khu vực, Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định thành lập các Khu vực thi đua của các Sở Tư pháp, Cục Thi hành án dân sự.

3. Cụm thi đua, Khu vực thi đua có chức năng tham mưu, tư vấn cho Bộ trưởng Bộ Tư pháp tổ chức phát động, triển khai thực hiện, đôn đốc, kiểm tra, sơ kết, tổng kết phong trào thi đua hàng năm, theo chuyên đề, theo đợt phù hợp với điều kiện, đặc điểm cụ thể của Cụm thi đua, Khu vực thi đua. Cụm thi đua, Khu vực thi đua được tổ chức và hoạt động theo quy chế do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành.

4. Trưởng Cụm thi đua, Trưởng Khu vực thi đua lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động của Cụm thi đua, Khu vực thi đua và chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của Cụm thi đua, khu vực thi đua; chủ trì và kết luận các Hội nghị của Cụm thi đua, Khu vực thi đua. Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định cử Trưởng và Phó Trưởng Cụm thi đua, Khu vực thi đua theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng, Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự và Chánh Văn phòng Bộ.

Điều 41. Nhiệm vụ của Cụm thi đua, Khu vực thi đua

1. Tổ chức phát động, ký giao ước thi đua thể hiện quyết tâm hưởng ứng, thực hiện phong trào thi đua do Bộ Tư pháp phát động; đề ra các chỉ tiêu, nội dung, biện pháp tổ chức thực hiện nhằm phát triển mạnh mẽ, rộng khắp, đúng hướng, có hiệu quả phong trào thi đua của Cụm thi đua, Khu vực thi đua.

2. Sơ kết, tổng kết phong trào thi đua hàng năm và đề ra phương hướng, nhiệm vụ tổ chức phong trào thi đua của Cụm thi đua, Khu vực thi đua; chia sẻ kinh nghiệm, xây dựng các mô hình mới, các điển hình tiên tiến trong Cụm thi đua, Khu vực thi đua.

3. Thống nhất đánh giá hiệu quả, tác dụng của phong trào thi đua, chấm điểm, xếp hạng các cơ quan, đơn vị trong Cụm thi đua, Khu vực thi đua theo tiêu chí xếp hạng và chấm điểm thi đua của Bộ.

4. Bình chọn, suy tôn tập thể có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong Cụm thi đua, Khu vực thi đua để đề nghị xét tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”, “Cờ thi đua ngành Tư pháp”, điển hình tiên tiến ngành Tư pháp.

5. Thực hiện các nhiệm vụ khác được Bộ trưởng Bộ Tư pháp giao.

Chương VII

QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG NGÀNH TƯ PHÁP

Điều 42. Nguồn và mức trích Quỹ thi đua, khen thưởng ngành Tư pháp

1. Quỹ thi đua, khen thưởng ngành Tư pháp được hình thành từ nguồn ngân sách Nhà nước, nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, ngoài nước và các nguồn thu hợp pháp khác.

2. Việc trích lập Quỹ Thi đua, khen thưởng ngành Tư pháp được thực hiện như sau:

a) Hàng năm, căn cứ vào dự toán cho ngân sách Nhà nước đã được cấp có thẩm quyền giao; căn cứ vào tổng quỹ lương theo ngạch, bậc của cán bộ, công chức, viên chức trong biên chế, và tiền công được duyệt cả năm của số lao động hợp đồng theo thang bảng lương do Nhà nước quy định (không bao gồm tiền lương, tiền công của đơn vị sự nghiệp bảo đảm toàn bộ kinh phí hoạt động); kết quả thực hiện quỹ thi đua, khen thưởng năm trước và dự kiến tổng mức chi năm hiện hành Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định mức trích lập Quỹ thi đua, khen thưởng ngành Tư pháp và mức trích lập quỹ Thi đua, khen thưởng của các đơn vị dự toán trực thuộc từ ngân sách Nhà nước với mức tối đa bằng 20% tổng quỹ tiền lương chức vụ, ngạch, bậc của số cán bộ, công chức, viên chức trong biên chế và tiền công được duyệt cả năm nêu trên;

b) Thủ trưởng các đơn vị dự toán thuộc Bộ có trách nhiệm chuyển số tiền thi đua, khen thưởng của đơn vị vào tài khoản Quỹ thi đua, khen thưởng ngành Tư pháp. Tổng cục Thi hành án dân sự có trách nhiệm trích lại số tiền thi đua, khen thưởng của các đơn vị dự toán trong hệ thống cơ quan Thi hành án dân sự giao cho Văn phòng Tổng cục Thi hành án dân sự để chuyển vào tài khoản Quỹ thi đua, khen thưởng ngành Tư pháp.

Điều 43. Quản lý, sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quỹ thi đua, khen thưởng ngành Tư pháp có tài khoản tiền gửi mở tại Kho bạc Nhà nước do Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp làm chủ tài khoản. Người được ký ủy quyền chủ tài khoản là Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng, được sử dụng con dấu của Bộ Tư pháp để quản lý, sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng ngành Tư pháp theo quy định của pháp luật.

2. Nội dung chi và mức chi thi đua, khen thưởng của ngành Tư pháp được thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24 tháng 5 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ Thi đua, khen thưởng theo Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng, quy định của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và quy định của pháp luật về tài chính hiện hành.

3. Vụ Kế hoạch - Tài chính chủ trì, phối hợp với Vụ Thi đua - Khen thưởng hướng dẫn chi tiết việc trích lập Quỹ thi đua, khen thưởng hàng năm và quản lý, sử dụng, quyết toán Quỹ thi đua, khen thưởng trong ngành Tư pháp theo quy định của pháp luật.

4. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ có tư cách pháp nhân, có tài khoản riêng, con dấu riêng tổ chức thực hiện phong trào thi đua và quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo thẩm quyền thi chi tiền thi đua, khen thưởng từ Quỹ thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị mình.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 44. Trách nhiệm thi hành

1. Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ có liên quan tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị thuộc Bộ, Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức triển khai thực hiện Thông tư này.

2. Tổng cục Thi hành án dân sự chủ trì, phối hợp với Vụ Thi đua - Khen thưởng tham mưu, giúp Bộ trưởng hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan Thi hành án dân sự địa phương tổ chức triển khai thực hiện Thông tư này.

3. Chánh Thanh tra Bộ Tư pháp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao thực hiện thanh tra về công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Tư pháp, kịp thời tham mưu, đề xuất với Bộ trưởng Bộ Tư pháp giải quyết kịp thời các vi phạm, khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật.

4. Trưởng Cụm thi đua, Trưởng Khu vực thi đua, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc Sở Tư pháp, Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự các

ting, thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm tổ chức triển khai Thông tư này.

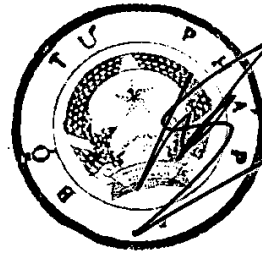
Điều 45. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 27 tháng 11 năm 2015 thay thế Thông tư số 06/2011/TT-BTP ngày 7 tháng 3 năm 2011 của Bộ Tư pháp hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Tư pháp./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Bộ Tư pháp: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các đơn vị thuộc Bộ;
- Sở Tư pháp, Cục Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp (để tự kiểm tra);
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử của Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, Vụ TĐKT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Phan Chí Hiếu

PHỤ LỤC

Các biểu mẫu	Nội dung
Mẫu số 01	Tờ trình.
Mẫu số 02	Biên bản họp Hội đồng thi đua – khen thưởng.
Mẫu số 03	Báo cáo thành tích đề nghị tặng thưởng Cờ thi đua của ngành Tư pháp, Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Tập thể lao động xuất sắc đối với tập thể.
Mẫu số 04	Báo cáo thành tích đề nghị tặng thưởng Chiến sỹ thi đua ngành Tư pháp, Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp đối với cá nhân.
Mẫu số 05	Báo cáo thành tích đề nghị tặng thưởng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp cho (tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc đột xuất).
Mẫu số 06	Báo cáo thành tích đề nghị tặng thưởng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp cho (tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc theo chuyên đề hoặc theo đợt).
Mẫu số 07	Quyết định công nhận sáng kiến

Thể thức và kỹ thuật trình bày của các mẫu biểu được thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính. *h27*

MẪU SỐ 1: TỜ TRÌNH ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

(ban hành kèm theo Thông tư số 14 /2015/TT-BTP ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tư pháp)

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN
ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr....

...(1)...., ngày tháng năm

TỜ TRÌNH
Về việc đề nghị khen thưởng(2)

Kính gửi: Bộ trưởng Bộ Tư pháp (hoặc cơ quan, đơn vị cấp trên)

- Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

- Căn cứ Thông tư số /2015/TT-BTP ngày tháng năm 2015 của Bộ Tư pháp hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Tư pháp và kết quả phiên họp ngày...tháng...năm...của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ..(3)..

...(3)... kính đề nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp (hoặc cơ quan, đơn vị cấp trên) xét, tặng khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc ..(2).... như sau:

1. “Cờ thi đua ngành Tư pháp”tập thể.
2. “Tập thể lao động xuất sắc”tập thể.
3. “Chiến sỹ thi đua ngành Tư pháp” cá nhân.
4. “Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp”tập thể;.... cá nhân.

.....

(Có danh sách kèm theo)

...(3).. kính đề nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu (nếu có), ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Địa danh;
- (2) Ghi rõ loại hình khen thưởng theo thành tích năm, theo chuyên đề.....;
- (3) Tên cơ quan, đơn vị đề nghị. *MT*

DANH SÁCH CÁC TẬP THỂ, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG
(kèm theo Tờ trình số /TTr - ... ngày... tháng... năm ... của.....)

Số TT	Danh hiệu, hình thức khen thưởng Họ và tên cá nhân; tên tập thể	Chức vụ, đơn vị
I	Cờ thi đua ngành Tư pháp	
1.	
II	Tập thể lao động xuất sắc	
1.	
III	Chiến sỹ thi đua ngành Tư pháp	
1	Ông (bà) ...	
	...	
IV	Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	
a.	Tập thể:	
1.	
b.	Cá nhân	
1.	Ông (bà)	

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu (nếu có), ghi rõ họ tên)

MẪU SỐ 02: BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG THI ĐUA – KHEN THƯỞNG CƠ SỞ
(ban hành kèm theo Thông tư số 14 /2015/TT-BTP ngày 14 tháng 10 năm 2015
của Bộ Tư pháp)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG THI ĐUA – KHEN THƯỞNG
Về việc xét, đề nghị khen thưởng(1)

Thời gian: giờ phút, ngày tháng năm

Địa điểm:

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ...(2) ... tiến hành họp xét, đề nghị(3)... trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp xét, trình Bộ trưởng Bộ Tư pháp khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc(năm, đợt xuất, theo đợt, theo chuyên đề)

Chủ trì cuộc họp: Đ/c, Chủ tịch Hội đồng TĐKT.

Thư ký cuộc họp: Đ/c, chức vụ:

Các thành viên Hội đồng TĐKT cơ sở có..... thành viên tham dự (vắng đồng chí...), gồm các đồng chí:

1. Đ/c chức vụ:..... Chủ tịch Hội đồng TĐKT;
2. Đ/c chức vụ:..... Phó Chủ tịch Hội đồng TĐKT;
3. Đ/c chức vụ:..... Ủy viên;
4. Đ/c chức vụ:..... Ủy viên, thư ký Hội đồng.

Sau khi nghe Chủ tịch Hội đồng quán triệt về tiêu chuẩn, điều kiện và tóm tắt thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng; Hội đồng đã thảo luận, phân tích, đánh giá thành tích của các tập thể, cá nhân. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ...(2)... đã biểu quyết (hoặc bỏ phiếu kín), kết quả nhất trí....%, đề nghị(3)... trình Bộ trưởng Bộ Tư pháp khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có tên sau:


STT	Tên cá nhân/ tập thể	Hình thức khen thưởng
-----	----------------------	-----------------------

Cuộc họp kết thúc vào hồi giờ phút, ngày tháng năm

THƯ KÝ
(ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Ghi rõ loại hình khen thưởng theo thành tích, theo đợt hoặc theo chuyên đề.....;
- (2) Tên cơ quan, đơn vị đề nghị;
- (3) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị đề nghị. 

MẪU SỐ 03: BÁO CÁO THÀNH TÍCH ĐỀ NGHỊ TẶNG THƯỞNG “CỜ THI ĐUA NGÀNH TƯ PHÁP”, “TẬP THỂ LAO ĐỘNG XUẤT SẮC” VÀ “BẢNG KHEN CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP” CHO TẬP THỂ

(ban hành kèm theo Thông tư số 14/2015/TT-BTP ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tư pháp)

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN
ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...(1)....., ngày tháng năm

BÁO CÁO THÀNH TÍCH
Đề nghị tặng thưởng.....(2)

Tên tập thể đề nghị: (Ghi đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt)

I- SƠ LƯỢC ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

1- Đặc điểm, tình hình

- Địa điểm trụ sở chính, điện thoại, fax; địa chỉ trang thông tin điện tử:

- Quá trình thành lập và phát triển:

- Những đặc điểm chính của cơ quan, đơn vị (về điều kiện tự nhiên, xã hội, cơ cấu tổ chức, cơ sở vật chất), các tổ chức đảng, đoàn thể.

2- Chức năng, nhiệm vụ: Những chức năng, nhiệm vụ được giao (nêu khái quát).

II- THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

1- Báo cáo thành tích căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của cơ quan, đơn vị và tiêu chuẩn khen thưởng quy định tại Luật Thi đua, Khen thưởng 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua - Khen thưởng năm 2013; Nghị định số 42/2010/NĐ-CP; Nghị định số 65/2014/NĐ-CP; Thông tư số 07/2014/TT-BNV và Thông tư này.

- Nội dung báo cáo nêu rõ thành tích xuất sắc trong việc thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ đã đạt được, cụ thể:

+ Các đơn vị thuộc Bộ phải nêu rõ báo cáo về các nhiệm vụ đã đạt được trong năm theo chương trình, nhiệm vụ trọng tâm của ngành Tư pháp, theo Quyết định phê duyệt Kế hoạch công tác của các đơn vị đã được ban hành ngay từ đầu năm (có nêu rõ về năng suất, chất lượng, hiệu quả công tác ...).

+ Cơ quan Thi hành án dân sự phải báo cáo cụ thể về tỷ lệ kết quả thi hành án dân sự đạt ...% (về việc, về tiền, về giảm án tồn đọng ...) so với kế hoạch được giao; kết quả số điểm tự chấm/số điểm chuẩn theo Bảng tiêu chí chấm điểm thi đua và xếp hạng đối với các cơ quan Thi hành án dân sự địa phương được Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành hàng năm.

- Việc đổi mới công tác quản lý, các sáng kiến kinh nghiệm, đề tài nghiên cứu khoa học và việc ứng dụng vào thực tiễn đem lại hiệu quả, có đóng góp cho ngành Tư pháp (3).

2- Các giải pháp thực hiện và những nguyên nhân đạt được thành tích: Phần này cần nêu được những sáng kiến, những việc làm mới, những giải pháp đạt được thành tích; các phong trào thi đua được áp dụng trong thực tiễn công tác.

3- Thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4- Hoạt động của các tổ chức đảng, đoàn thể.

III- CÁC DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG ĐÃ ĐƯỢC GHI NHẬN

Các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng	Số quyết định, ngày, tháng, năm
1. Danh hiệu thi đua	
- Tập thể lao động xuất sắc năm ...	
- Cờ thi đua ngành Tư pháp năm ...	
- Cờ thi đua của Chính phủ năm...	
.....	
2. Hình thức khen thưởng	
- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp năm ..	
- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm...	
.....	

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP TRÊN
TRỰC TIẾP NHẬN XÉT, XÁC NHẬN (4)
(Ký, đóng dấu (nếu có), ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu (nếu có), ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Địa danh;

(2) Ghi rõ hình thức đề nghị khen thưởng (Cờ thi đua ngành Tư pháp; Tập thể Lao động xuất sắc; Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp);

(3) Tùy theo hình thức đề nghị khen thưởng, nêu các thành tích đã đạt được trong việc thực hiện nhiệm vụ của đơn vị. Đối với Cờ thi đua ngành Tư pháp, Tập thể Lao động xuất sắc thì báo cáo nêu rõ thành tích đạt được trong năm đề nghị; đối với Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp thì báo cáo nêu rõ thành tích trong 02 năm, năm đề nghị và năm trước liền kề;

Đối với những tập thể có nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, trong báo cáo thành tích của tập thể phải kê khai rõ các nội dung về số tiền thuế và các khoản thu khác thực tế đã nộp trong năm so với đăng ký; tỷ lệ % về số nộp ngân sách nhà nước so với năm trước; cam kết đã nộp đủ, đúng các loại thuế, các khoản thu khác theo quy định của pháp luật, nộp đúng thời hạn và gửi kèm bản photo các chứng từ đã nộp cơ quan thuế để đối chiếu;

(4) - Đối với tập thể là các đơn vị thuộc Bộ là nhận xét, xác nhận của Lãnh đạo Bộ phụ trách;

- Đối với tập thể nhỏ thuộc các đơn vị thuộc Bộ là nhận xét, xác nhận của Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ;

- Đối với tập thể là Chi cục THADS, các tập thể thuộc Cục THADS là nhận xét, xác nhận của Cục trưởng Cục THADS;

- Đối với tập thể là Cục THADS là nhận xét, xác nhận của Tổng cục trưởng Tổng cục THADS Bộ Tư pháp. *Đạt*

**MẪU SỐ 04: BÁO CÁO THÀNH TÍCH ĐỀ NGHỊ TẶNG THƯỞNG DANH HIỆU
“CHIẾN SỸ THI ĐUA NGÀNH TƯ PHÁP”, “BẢNG KHEN CỦA BỘ TRƯỞNG
BỘ TƯ PHÁP” CHO CÁ NHÂN.**

*(ban hành kèm theo Thông tư số 14/2015/TT-BTP ngày 14 tháng 10 năm 2015
của Bộ Tư pháp)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

...(1)...., ngày tháng năm

**BÁO CÁO THÀNH TÍCH
Đề nghị tặng thưởng.....(2)....**

I- SƠ LƯỢC LÝ LỊCH

- Họ và tên: (Ghi đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt) Nam, nữ:
- Ngày, tháng, năm sinh:
- Quê quán:
- Nơi thường trú:
- Chức vụ, đơn vị công tác hiện nay:
- Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ:

II – THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

1. Sơ lược thành tích của đơn vị: (Chỉ áp dụng đối với cá nhân là Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thì nêu tóm tắt khái quát thành tích của đơn vị).

2. Thành tích đạt được của cá nhân:

2.1. Quyền hạn, nhiệm vụ được giao hoặc đảm nhận.

2.2. Thành tích đạt được:

- Nêu rõ kết quả đã đạt được về số lượng, chất lượng, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ, chỉ tiêu được giao; kết quả cụ thể trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu, các biện pháp đổi mới công tác quản lý (nếu là lãnh đạo) (3);

- Những sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học và các giải pháp công tác được ứng dụng vào thực tiễn đem lại hiệu quả, có đóng góp cho ngành Tư pháp cụ thể nêu rõ:

- + Tên
- + Nội dung
- + Phạm vi áp dụng
- + Hiệu quả

của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học và các giải pháp công tác được công nhận (ghi rõ số, ngày tháng, năm được công nhận) hoặc có Giấy chứng nhận của Hội đồng Khoa học kèm theo.

III- CÁC DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG ĐÃ ĐƯỢC GHI NHẬN

Các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng	Số quyết định, ngày, tháng, năm
1. Danh hiệu thi đua	
- Chiến sỹ thi đua cơ sở năm ...	
- Chiến sỹ thi đua ngành Tư pháp năm ...	
.....	
2. Hình thức khen thưởng	
- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp năm ...	
- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm...	
.....	

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ NHẬN XÉT,
XÁC NHẬN**
(Ký, đóng dấu (nếu có), ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BÁO CÁO
(Ký, ghi rõ họ tên)

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP TRÊN
TRỰC TIẾP NHẬN XÉT, XÁC NHẬN (4)**
(Ký, đóng dấu (nếu có), ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Địa danh;
 - (2) Ghi rõ danh hiệu, hình thức đề nghị khen thưởng (Chiến sỹ thi đua ngành Tư pháp; Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp);
 - (3) Tùy theo hình thức đề nghị khen thưởng, nêu các thành tích đã đạt được trong việc thực hiện nhiệm vụ. Đối với Chiến sỹ thi đua Ngành thi báo cáo nêu rõ thành tích trong 03 năm (năm đề nghị và 02 năm trước liền kề); đối với Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp thì báo cáo nêu rõ thành tích trong 2 năm, năm đề nghị và năm trước liền kề;
- Đối với những đơn vị có nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, trong báo cáo thành tích của cá nhân là Thủ trưởng đơn vị phải kê khai rõ các nội dung về số tiền thuế và các khoản thu khác thực tế đã nộp trong năm so với đăng ký; tỷ lệ % về số nộp ngân sách nhà nước so với năm trước; cam kết đã nộp đủ, đúng các loại thuế, các khoản thu khác theo quy

định của pháp luật, nộp đúng thời hạn và gửi kèm bản photo các chứng từ đã nộp cơ quan thuế để đối chiếu;

(4) - Đối với cá nhân là Phó Thủ trưởng đơn vị và cán bộ, công chức trong các đơn vị thuộc Bộ là nhận xét, xác nhận của Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ;

- Đối với cá nhân là Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ là nhận xét, xác nhận của Lãnh đạo Bộ phụ trách;

- Đối với cá nhân là Phó Cục trưởng Cục THADS và cán bộ, công chức thuộc Cục THADS, Chi cục THADS là nhận xét, xác nhận của Cục trưởng Cục THADS;

- Đối với cá nhân là Cục trưởng Cục THADS là nhận xét, xác nhận của Tổng cục trưởng Tổng cục THADS Bộ Tư pháp. *thp*

**MẪU SỐ 06: BÁO CÁO THÀNH TÍCH ĐỀ NGHỊ TẶNG THƯỞNG BẰNG KHEN
CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP CHO TẬP THỂ, CÁ NHÂN CÓ THÀNH TÍCH
XUẤT SẮC THEO CHUYÊN ĐỀ HOẶC THEO ĐỢT THI ĐUA**

*(ban hành kèm theo Thông tư số 14 /2015/TT-BTP ngày 14 tháng 10 năm 2015
của Bộ Tư pháp)*

**ĐƠN VỊ CẤP TRÊN
ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ (1)**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

... (2), ngày tháng năm

**BÁO CÁO THÀNH TÍCH
Đề nghị tặng thưởng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp
về thành tích xuất sắc theo chuyên đề (hoặc theo đợt thi đua)....(3)....**

Tên đơn vị hoặc cá nhân đề nghị khen thưởng:
(Ghi đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt)

I- SƠ LƯỢC ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH ĐƠN VỊ

- Đối với đơn vị ghi sơ lược quá trình thành lập, cơ cấu tổ chức, tổng số cán bộ, công chức, viên chức. Chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Đối với cá nhân ghi rõ: họ và tên, giới tính, ngày tháng năm sinh; quê quán; nơi thường trú; trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; chức vụ, đơn vị công tác...

II- THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

Báo cáo thành tích phải căn cứ vào mục tiêu (nhiệm vụ), các chỉ tiêu về năng suất, chất lượng, hiệu quả... đã được đăng ký trong đợt phát động thi đua theo đợt, theo chuyên đề; các biện pháp, giải pháp đạt được thành tích xuất sắc, mang lại hiệu quả kinh tế, xã hội, dẫn đầu phong trào thi đua; những kinh nghiệm rút ra trong đợt thi đua...(4)

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP TRÊN
TRỰC TIẾP NHẬN XÉT, XÁC NHẬN (6)**
(Ký, đóng dấu (nếu có), ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ (5)
*(Ký, đóng dấu (nếu có), ghi rõ họ
tên)*

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng đối với tập thể đề nghị khen thưởng;

(2) Địa danh;

(3) Tên chuyên đề phát động; *1/17*

(4) Đối với những đơn vị có nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, trong báo cáo thành tích của tập thể hoặc cá nhân là Thủ trưởng đơn vị phải kê khai rõ các nội dung về số tiền thuế và các khoản thu khác thực tế đã nộp trong năm so với đăng ký; tỷ lệ % về số nộp ngân sách nhà nước so với năm trước; cam kết đã nộp đủ, đúng các loại thuế, các khoản thu khác theo quy định của pháp luật, nộp đúng thời hạn và gửi kèm bản photo các chứng từ đã nộp cơ quan thuế để đối chiếu;

(5) Đối với cá nhân: ký, ghi rõ họ, tên và Thủ trưởng đơn vị nhận xét, xác nhận, ký, đóng dấu;

(6) Theo ghi chú (4) mẫu số 03 và (4) mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư này

- Đối với Tư pháp cấp huyện, cấp xã là nhận xét, xác nhận của Chủ tịch UBND cùng cấp;

- Đối với các Phòng, đơn vị thuộc Sở là nhận xét, xác nhận của Giám đốc Sở Tư pháp;

- Đối với tập thể Sở Tư pháp, cá nhân là Giám đốc Sở Tư pháp là nhận xét, xác nhận của Chủ tịch UBND cấp tỉnh. *VP*

MẪU SỐ 07: QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN

(ban hành kèm theo Thông tư số 14/2015/TT-BTP ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tư pháp)

ĐƠN VỊ
HỘI ĐỒNG SÁNG KIẾN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: (1)....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

V/v công nhận sáng kiến, đề tài, giải pháp công tác

HỘI ĐỒNG SÁNG KIẾN (2)

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013;

Căn cứ Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ Sáng kiến;

Căn cứ Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Thông tư số ngày...tháng ...năm....của Bộ Tư pháp hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng ngành Tư pháp;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng sáng kiến ...(2)..;

Căn cứ biên bản họp Hội đồng sáng kiến(2)... ngày ...tháng...năm...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công nhận các sáng kiến, đề tài, giải pháp công tác cấp...(3).... năm....cho.... cá nhân

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3: Các thành viên Hội đồng sáng kiến...(2).., Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3
- Lưu...

**TM. HỘI ĐỒNG SÁNG KIẾN
CHỦ TỊCH**
(Đóng dấu, ký ghi rõ họ tên)

Ghi chú: (1) Địa danh;
(2) Tên Hội đồng sáng kiến có thẩm quyền công nhận sáng kiến;
(3) Sáng kiến cấp cơ sở, cấp Ngành hoặc cấp toàn quốc. 